

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày 31 -3 -2022

V/v ly hôn giữa

Anh T và chị M

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Xuân Thùy;

Ông Trần Đình Phấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/02/2022 về việc “Ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Vũ Anh T, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Tập thể B – Số 120 T, phố P, phường P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình;

*** Bị đơn:** Chị Đặng Thị M, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Xóm 9 (xóm 22 cũ), xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

(Anh T và chị M vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, anh Vũ Anh T trình bày: Anh và chị Đặng Thị M kết hôn là do tự nguyện tìm hiểu, đã được

Ủy ban nhân dân xã X đăng ký kết hôn ngày 06/4/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian. Do trong cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi chửi nhau nên vợ chồng đã sống ly thân không hỏi han đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn chị Đặng Thị M.

Về con chung: Anh và chị M có 01 con chung là Vũ Anh S, sinh ngày 16/3/2010 hiện đang ở với chị M. Khi ly hôn anh để tùy cháu lựa chọn ở với bố hay mẹ; nếu cháu ở với anh thì anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con; nếu cháu ở với mẹ anh sẽ có trách nhiệm chu cấp cho cháu đến khi cháu trưởng thành.

Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản: Vợ chồng có một số tài sản công nợ chung nhưng anh và chị M sẽ tự giải quyết với nhau. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh có đơn xin không hòa giải nữa và xin xét xử vắng mặt anh.

Theo lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, chị Đặng Thị M trình bày: Chị và anh Vũ Anh T kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã X cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/4/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc thời gian ngắn thì hay xảy ra bất hòa do tính cách và lối sống, Hai bên gia đình khuyên giải nhưng vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Anh chị đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Anh T xin ly hôn, chị cũng thấy tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là Vũ Anh S, sinh ngày 16/3/2010 hiện đang ở với chị; khi ly hôn chị xin trực tiếp nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về tài sản: anh chị tự giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử lý hôn giữa anh Vũ Anh T và chị Đặng

Thị M; giao cháu Vũ Anh S, sinh ngày 16/3/2010 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận chị M tự nguyện không yêu cầu anh Tấn phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn vắng và bị đơn mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị M kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã X nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới anh chị chung sống hạnh phúc một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng tính cách lối sống, anh chị đã ly thân từ năm 2020 đến nay không quan tâm đến nhau. Anh xin ly hôn, chị xác định tình cảm không còn nên cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị M không tìm được giải pháp hàn gắn hạnh phúc, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị M là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con chung: Anh T tôn trọng quyền lựa chọn ở với mẹ hay bố của cháu S; chị có nguyện vọng nuôi cháu S, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, cháu S cũng có nguyện vọng ở với mẹ; Vì thế giao cháu S cho chị M nuôi dưỡng, chấp nhận chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu S. Anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Anh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Vũ Anh T và chị Đặng Thị M.

2. Về nuôi con chung: giao cháu Vũ Anh S sinh ngày 16/3/2010 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận chị Mừng tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh T phải nộp án phí ly hôn 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số **0002926 ngày 21/02/2022** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; anh T đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Ngọc Quỳnh